

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 252/2021/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV.

Địa chỉ: Tòa nhà Thaihodinh, số 210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang Tùng - Giám đốc chi nhánh B.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Nguyễn Thế Mùi - Phó Trưởng phòng Hỗ trợ hoạt động

Địa chỉ: số 389, đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B

***Bị đơn:** Ông Vũ Văn K, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Tư 1, xã Quý S, huyện LN, tỉnh B.

Đơn vị công tác: Trường Trung học cơ sở Biên S, huyện LN, tỉnh B.

Bà Hùng Thị N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Tư 1, xã Quý S, huyện LN, tỉnh B.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Ngân hàng thương mại cổ phần BDLV và bị đơn ông Vũ Văn K thỏa thuận thời hạn trả nợ tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/12/2021 là 109.441.627đồng, trong đó nợ gốc là 75.749.940đồng, nợ lãi trong hạn là: 14.829.930đồng, nợ lãi quá hạn là: 18.861.757đồng, theo Hợp đồng tín dụng số: 300.1787/2016/HĐTD ngày 01/12/2016.

Cụ thể thời gian thanh toán và số tiền trả như sau:

- Ngày 20/01/2022 ông K bà và N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/02/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/3/2022 ông K và N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/4/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/5/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/6/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/7/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/8/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/9/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/10/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/11/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

- Ngày 20/12/2022 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/01/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/02/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/3/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/4/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/5/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/6/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/7/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/8/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/9/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/10/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/11/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/12/2023 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/01/2024 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/02/2024 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).
- Ngày 20/3/2024 ông K và bà N trả nợ ngân hàng 5.441.627 đồng (Năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn sáu trăm hai bảy đồng) và còn phải trả toàn bộ lãi phát

sinh chậm trả theo thỏa thuận tại theo Hợp đồng tín dụng số: 300.1787/2016/HĐTD ngày 01/12/2016, kể từ ngày 03/12/2021 cho đến khi thanh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp các bên không thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trả nợ trên, nếu bên có nghĩa vụ trả nợ vi phạm một trong các lần thanh toán trả nợ, thì ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý việc thi hành án theo quy định chung đối với toàn bộ vụ án.

* Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần BĐLV chịu 1.368.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn ông Vũ Văn K chịu 1.368.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần BĐLV 1.569.000 đồng, tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0001171 ngày 02/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND TP B;
- THA TP B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Tú